

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 12-09-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Chính;

Ông Lê Quang Đây.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn Đ**, sinh năm 1980 tại **xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau**. Nơi cư trú: **Ấp R, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn T** và bà **Trần Thị E**; có vợ tên **Lê Thị Hồng A** (đã ly hôn), con: 01 người.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2024, chuyển tạm giam ngày 21/5/2024 (bị cáo có mặt).

2. **Trần Văn M**, sinh năm 1993 tại **Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau**. Nơi cư trú: **Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn C** và bà **Nguyễn Thị V**; vợ **Hà Thị Ú**, con: 03 người, lớn nhất 12 tuổi nhỏ nhất 08 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 43/LC-ĐTTP ngày 19/5/2024 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N (bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo **Trần Văn M**: Ông **Lâm Văn G** – Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt).

- Bị hại: Ông **Phan Trọng T1**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/5/2024, bị cáo **Trần Văn M** đến nhà bị cáo **Lê Văn Đ** ở **ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau** để rủ bị cáo **Đ** đi mò trộm sò huyết thì được bị cáo **Đ** đồng ý. Bị cáo **M** chuẩn bị 04 bao nylon màu trắng, bị cáo **Đ** chuẩn bị 02 túi lưới màu xanh và sử dụng vỏ composite hiệu Hữu Vui dài 5,4m máy Honda 5.5HP để điều khiển chở bị cáo **M** đi trộm sò huyết theo địa điểm bị cáo **M** chỉ dẫn. Khi đến khu vực **ấp T, xã T, huyện N** thì bị cáo **M** kêu bị cáo **Đ** tắt máy đậu vỏ lại và cả hai cầm theo bao nylon và túi lưới đến vuông tôm ông **Phan Trọng T1** để mò trộm sò huyết. Cả hai mò đến 23 giờ thì bị ông **T1** phát hiện qua camera nên trình báo công an xã T và cùng với quần chúng nhân dân bắt được bị cáo **Đ**, còn bị cáo **M** chạy thoát.

Tang vật thu giữ là 04 bao nylon, trong đó có 03 bao đựng sò huyết; 02 túi lưới màu xanh, trong đó có 01 túi đựng sò huyết. Tổng số sò huyết cân được 56,35kg loại lớn nhất 191 con/kg nhỏ nhất 246 con/kg.

Trần Văn M bỏ trốn đến 19 giờ 00 phút ngày 12/5/2024 đến công an huyện N đầu thú và chỉ nơi cất giấu vỏ máy.

Vụ án được khởi tố và bắt tạm giam đối với bị cáo **Đ**, còn bị cáo **M** áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã định giá tổng số sò huyết có giá trị 3.549.200 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 19/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn đã truy tố đối với **Lê Văn Đ** và **Trần Văn M** về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Viện kiểm sát đề nghị xử bị cáo **Lê Văn Đ** và **Trần Văn M** về tội trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đ** từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **M** từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 vỏ composite màu xanh trắng hiệu Hữu Vui dài 5,4m; 01 máy Honda 5.5HP màu đỏ; tịch thu tiêu hủy 02 túi lưới màu xanh có dây thái buộc miệng túi; 03 bao nylon trắng có chữ “Thức ăn chăn nuôi”; 01 bao nylon màu trắng 64 và chữ “Thơm dứa” không còn giá trị sử dụng.

Dân sự: Tài sản trả cho người bị hại, người bị hại không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo **M**: Bị cáo **M** gia đình khó khăn nhất thời phạm tội, bản thân lao động chính và bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức hành vi, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo.

- Bị cáo **M** đồng ý với lời bào chữa của Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, không có ý kiến đối với bản luận tội của Viện kiểm sát, thừa nhận hành vi trộm cắp sò là sai trái với pháp luật, xin được xem xét khi lượng hình.

- Bị cáo **Đ** không có ý kiến đối với bản luận tội của Viện kiểm sát, đồng ý với tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố, hình phạt xin xem xét khi lượng hình.

- Bị hại trình bày ý kiến: Về dân sự không yêu cầu; về trách nhiệm hình sự đề nghị xem xét cho bị cáo **M** cải tạo ngoài xã hội, giao cho Ủy ban quản lý, vì thấy gia đình bị cáo có 03 người con nhỏ, bị cáo cũng có bệnh.

Đối với bị cáo **Đ** xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo **Đ** khi lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo **Lê Văn Đ**, **Trần Văn M** đều khai nhận đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông **Phan Trọng T1**. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, không gian và địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên

tòa. Đã đủ cơ sở kết luận: Bị cáo **Lê Văn Đ**, **Trần Văn M** đã có hành vi lén lút vào ruộng của ông **Phan Trọng T1** mò trộm sò huyết do ông **T1** nuôi, khi phát hiện bắt giữ thì các bị cáo đã mò bắt được 56,35kg gồm sò 191 con/kg, 206 con/kg, 238 con/kg, 246 con/kg.

Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo cùng với các chứng cứ thu thập đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh bị cáo **Trần Văn M** đã có hành vi rủ và cùng với bị cáo **Lê Văn Đ** thực hiện hành vi lén lút mò trộm sò huyết trong ruộng của ông **T1** thuộc **ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau**; theo kết luận định giá tổng số sò huyết có giá trị là 3.549.200 đồng. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo **M** và bị cáo **Đ** đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định trong Bộ luật hình sự, tội phạm thực hiện đã hoàn thành.

[3] Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân là động cơ thúc đẩy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự và các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[4] Đối với bị cáo **Đ** và bị cáo **M** phạm tội lần đầu, số tiền chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của bộ luật hình sự là có căn cứ.

[5] Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, không có câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò cụ thể mà chỉ là tự phát nên cáo trạng Viện kiểm sát không truy tố các bị cáo phạm tội có tổ chức là có căn cứ.

[6] Xét về nhân thân các bị cáo: Đối với bị cáo **M** là người chủ động và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo đóng vai trò chính trong vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo ra đầu thú, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế; theo kết quả giám định pháp y tâm thần bị cáo có hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do biến đổi nhân cách mức độ vừa, hiện tại không thuộc trường hợp bắt buộc chữa bệnh và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có địa chỉ rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung xã hội.

[7] Bị cáo **Đ** thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức, mặc dù bị cáo không phải là người chủ động khởi xướng nhưng bị cáo là người trực tiếp tham gia và dùng phương tiện vỏ máy của mình chở bị cáo **M** thực hiện tội

phạm. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án tiền sự, trình độ văn hóa thấp nên hiểu biết pháp luật hạn chế, gia đình có công cách mạng và tại phiên tòa người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/9/2024, bị cáo bị tạm giam 04 tháng, như vậy cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo nên không cần thiết phải cách ly thêm bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tuyên hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam là phù hợp.

[8] Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc và đánh giá mức độ, tính chất của vụ án cũng như căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi của từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và góp phần vào công tác phòng ngừa chung.

[9] Về mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo tuy nhiên tại phiên tòa người bị hại có xin giảm nhẹ cho các bị cáo về hình phạt nên có điều chỉnh cho phù hợp như nhận định trên.

Đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo **M** là có căn cứ, tuy nhiên đề nghị cải tạo không giam giữ là chưa phù hợp vì bị cáo là người rủ rờ nên cần chuyển sang hình phạt khác cho hưởng án treo là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Số sò huyết các bị cáo chiếm đoạt Cơ quan điều tra đã giao trả cho người bị hại và người bị hại không đặt ra yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[11] Xử lý vật chứng:

- Đối với phương tiện là 01 vỏ composite màu xanh trắng hiệu Hữu Vui dài 5,4m; 01 máy Honda 5.5HP màu đỏ của bị cáo **Đ**, các bị cáo dùng để thực hiện tội phạm nên tịch thu xung quỹ Nhà nước là phù hợp.

- 02 túi lưới màu xanh có dây thối buộc miệng túi; 03 bao nylon màu trắng có chữ “thức ăn chăn nuôi”; 01 bao nylon màu trắng 64 và chữ “thơm dứa” không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

(Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/8/2024 giữa cơ quan Điều tra với Chi cục thi hành án dân sự được đánh bút lục số 235).

[12] Về án phí: Các bị cáo đều bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn Đ** và bị cáo **Trần Văn M** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173; Điều i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Văn M** 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/9/2024).

Giao bị cáo **M** về Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Khoản 1 Điều 173; Điều i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn Đ** 04 tháng tù, thời gian tính từ ngày tạm giam ngày 12/5/2024 đến ngày 12/9/2024.

Thời hạn tù của bị cáo bằng thời hạn tạm giam, nên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 võ composite màu xanh trắng hiệu Hữu Vui dài 5,4m; 01 máy Honda 5.5HP màu đỏ của bị cáo **Đ**.

Tịch thu tiêu hủy 02 túi lưới màu xanh có dây thái buộc miệng túi; 03 bao nylon màu trắng có chữ “Thức ăn chăn nuôi”; 01 bao nylon màu trắng 64 và chữ “Thơm dứa” không còn giá trị sử dụng của bị cáo **M** và bị cáo **Đ**.

(Hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/8/2024 giữa cơ quan Điều tra với Chi cục thi hành án dân sự được đánh bút lục số 235).

+ Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Cà Mau;
- Sở tu pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Công an ND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính